| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐOAN HÙNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

***Bản án số: 02/2023/DS-ST***
***Ngày 30 tháng 5 năm 2023***
*V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Đại và bà Phan Phương Huệ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa****:* Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự;

* Nguyên đơn: Ngân hàng Hợp tác xã (HTX) Việt N

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà N, Hoàng Đạo Th, quận Cầu G, thành phố Hà N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H- Chức vụ; Cán bộ tín dụng Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N

Địa chỉ Phòng Giao dịch: Số 2448, Đường Hùng V, phường Vân C, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Th.

* Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Anh T; sinh năm 1985 và chị Đặng Thị Hương L; sinh năm 1990

Đều cư trú tại: Khu 6, xã Sóc Đ, huyện Đoan H, tỉnh Phú Th

*Đại diện Ngân hàng và anh T có mặt, chị L đề nghị xét xử vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Quang H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 03/01/2020, Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N và vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L đều cư trú tại khu 6, xã Sóc Đ, huyện Đoan H đã ký kết *"Hợp đồng cho vay"* số

TDGLD06/HĐCV, theo đó Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N cho vợ chồng anh T, chị L vay số tiền 110.000.000.đ (một trăm mười triệu đồng); hình thức vay tín chấp; nguồn trả nợ là lương của anh Tuấn; mục đích vay để sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 60 tháng; giải ngân ngày 03/01/2020; lãi suất 12,0%/năm; trả nợ gốc trong 60 kỳ; mỗi kỳ trả 2.000.000.đ; lãi trả cùng với kỳ trả nợ gốc.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay tiền là vợ chồng anh T, chị L đã không thực hiện đúng và đầy đủ việc trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo cam kết, cụ thể: Từ khi vay cho đến nay đã 41 kỳ trả nợ nhưng anh T, chị L mới trả được 10 kỳ gốc và trả lãi đến hết ngày 01/3/2022. Tính đến hết ngày 30/5/2023 thì anh T, chị L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 89.303.000.đ, nợ tiền lãi là 13.861.847.đ, nợ tiền lãi tính trên lãi chậm trả là 385.401.đ, tổng cả gốc và lãi còn nợ là 103.550.248.đ.

Nay toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng cho vay đều đã quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã thông báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng anh T, chị L vẫn không tự nguyện trả nợ vì vậy Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải có nghĩa vụ trả cho Phòng Giao dịch số 1 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N toàn bộ số tiền còn nợ của *"Hợp đồng cho vay"* số TDGLD06/HĐCV ngày 03/01/2023 tính đến hết ngày 30/5/2023 tổng cả gốc và lãi 103.550.248.đ (một trăm linh ba triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng) và tiếp tục phải trả lãi và phí phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ khoản vay trên.

* Về phía bị đơn là vợ chồng anh anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T có mặt đều xác nhận ngày 03/01/2020, anh và vợ là chị Đặng Thị Hương L có vay của Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N số tiền 110.000.000.đ. Sau khi vay, do gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng anh không trả được tiền nợ gốc và tiền lãi đúng hạn như đã cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện vợ chồng anh là hoàn toàn đúng. Anh T xác nhận mới trả được cho Ngân hàng 10 kỳ tiền gốc, tiền lãi cũng mới trả đến hết ngày 01/3/2022. Tính đến ngày 30/5/2023, vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 89.303.000.đ; tiền lãi và lãi chậm trả là 14.247.248.đ; tổng cả gốc và lãi còn đang nợ là 103.550.248.đ. Vợ chồng anh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho được trả dần số tiền nợ trên, vợ chồng anh sẽ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của Ngân hàng.

- Chị Đặng Thị Hương L là vợ của anh Lê Anh T và cũng là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng chị được trả nợ dần.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].** Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Đặng Thị Hương L đều vắng mặt mà chỉ có mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Anh T (chồng chị L) do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2].** Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng HTX Việt N khởi kiện để yêu cầu vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L, có địa chỉ tại khu 6, xã Sóc Đ, huyện Đoan H phải có nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo "*Hợp đồng cho vay*" số TDGLD06/HĐCV ngày 03/01/2020. Tranh chấp phát sinh do vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân do vậy Tòa án nhân dân huyện Đoan H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án.

**[3].** Về nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng cho vay số TDGLD06/HĐCV ngày 03/01/2020 giữa Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N và vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật cho phép thực hiện, tuân thủ đúng pháp luật về nội dung, hình thức của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự do vậy đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và các bên đều phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về phía Ngân hàng, sau khi ký kết hợp đồng cho vay đã thực hiện đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, phía bị đơn là vợ chồng anh T, chị L lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi đúng thời hạn như đã cam kết trong hợp đồng, cụ thể: Tiền gốc cho đến nay mới trả được 10 kỳ, tiền lãi mới trả hết ngày 01/3/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng và anh T đều thống nhất xác nhận tính đến ngày 30/5/2023, vợ chồng anh T, chị L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 89.303.000.đ, tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả là 14.247.248, tổng cả tiền gốc và tiền lãi mà vợ chồng anh T, chị L phải trả là 103.550.248.đ. Do vợ chồng anh T, chị L vi phạm thời hạn trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải trả toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi đang nợ và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, còn về phía vợ chồng anh T, chị L đề nghị được trả dần khoản nợ trên.

Xét yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất xác nhận về số tiền nợ, không có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nhưng lại không thống nhất thỏa thuận được về

phương thức và thời hạn trả nợ. Việc vợ chồng anh T, chị L không thực hiện đúng cam kết về trả nợ tiền gốc và tiền lãi đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng do vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài số tiền nợ gốc và tiền lãi phải trả như đã nêu trên, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng anh T, chị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến khi thi hành án xong.

**[4].** Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn là vợ chồng anh T, chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[5].** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan H đã phát biểu quan điểm về vụ án, xác định quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, khoản 1 Điều 275, khoản 1 và khoản 2 Điều 278, Điều 280, Điều 282, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**- Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Hợp tác xã Việt N.

Buộc vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L phải có nghĩa vụ trả cho Phòng Giao dịch số 01 - Chi nhánh Phú Th - Ngân hàng HTX Việt N số tiền gốc còn nợ của *"Hợp đồng cho vay"* số TDGLD06/HĐCV ngày 03/01/2020 là 89.303.000.đ và tiền lãi (gồm tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả) tính đến hết ngày 30/5/2023 là 14.247.248.đ; tổng số tiền gốc và lãi vợ chồng anh Tuấn, chị Loan phải trả cho Ngân hàng là **103.550.248**.đ (một trăm linh ba triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất mà vợ chồng anh T, chị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng được xác định theo thỏa thuận của các bên.

**- Về án phí**: Vợ chồng anh Lê Anh T, chị Đặng Thị Hương L phải nộp **5.177.512**.đ (năm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng HTX Việt N- Chi nhánh Phú Th số tiền **2.400.000**.đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2020/0004345 ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dấn ự huyện Đoan H

*Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7**a** và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đươngh sự vắng mặt được quyền kháng cảo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhậ được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đ- ơng sự, ng- ời đại diện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN THANH BA**
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 10 năm 2019;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phùng Văn Thị** và bà **Phạm Thị Bích H- ơng**

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương**

Địa chỉ trụ sở: Số 806, Đại lộ Hùng Vương, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức Nghĩa**

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương

Bị đơn: **Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại Huy Hương.**

Địa chỉ trụ sở chính; khu 5, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Anh Tuấn**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1.** Về điều luật: Căn cứ các Điều 117, 119, 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 278, Điều 280, Điều 282, khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4, Điều 9, Điều 10, Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào □n lệ số 08/2016/AL đ- ợc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và đ- ợc công bố ngày 17/10/20016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***- Kết quả biểu quyết**: **3/3**.*

**2.** Về nội dung: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng;

Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng, có trụ sở chính tại khu 5, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng số tiền nợ gốc là 760.000.000.đ và số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/10/2019 là 60.969.331.đ. Tổng số tiền gốc và lãi Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng là: **820.969.331**.đ *(tám trăm hai m- ơi triệu chín trăm sáu m- ơi chín nghìn ba trăm ba m- ơi mốt đồng);*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong "*Hợp đồng cho vay dự án đầu t-* " số 18.060.065/2018 ngày 17/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Tr- ờng hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ đ- ợc điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cho bán đấu giá tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ôtô khách nhãn hiệu THACO, số loại TB85S, màu sơn Trắng Xanh Vàng Xám, số máy 12018E000634, số khung 9SACJN001077, biển số 19B - 014.12 theo "*Hợp đồng thế chấp ph- ơng tiện giao thông vận tải*" số *18.060..065/2018/HĐBĐ/NHCT242* ngày 17/10/2018 (xe hiện đang do chủ xe là

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng quản lý sử dụng). Tr- ờng hợp tài sản bảo đảm đ- ợc đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- ***Kết quả biểu quyết**: **3/3**.*

**3.** Về án phí và nghĩa vụ thi hành án:

Bị đơn là Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và th- ơng mại Huy H- ơng phải nộp **36.629.079**.đ *(ba m- ơi sáu triệu sáu trăm hai m- ơi chín nghìn không trăm bảy m- ơi chín đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Hùng V- ơng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là **17.700.000**.đ *(m- ời bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2016/0001692 ngày 17/6/20019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

*Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

- ***Kết quả biểu quyết: 3/3***.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên d- ới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**Tạ Hồng Tuấn**